

Số: 870 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 31 tháng 10 năm 2018

## THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày

(Từ ngày 25/10 – 31/10/2018)

### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

#### 1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 26,7 – 27,5°C; Cao nhất: 34,9°C; Thấp nhất: 22,5°C.

- Ẩm độ: Trung bình: 71 – 80%; Thấp nhất: 55%.

- Tổng số giờ nắng: 57 – 73 giờ. Lượng mưa: 40 - 102 mm.

Thời tiết: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng gián đoạn, chiều tối có mưa nhiều nơi, rải rác có mưa vừa.

Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

#### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

**Cây lúa:** Xuống giống 21.808 ha/25.233 ha. Lúa đang ở các giai đoạn: đẻ nhánh (7.105 ha), đòng (8.201 ha), trổ (6.353 ha).

Các giống chủ yếu là: OM 7347, OM 4900, VD 20, MTL 110, Đài thơm 8, ...

#### Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Loa kèn, trổ cờ	15.385/17.709
Rau các loại	Các giai đoạn	4.705
Cây có múi	Các giai đoạn	8.320
Chôm chôm	Các giai đoạn	10.693
Xoài	Ra lộc, bông	12.266
Chuối	Các giai đoạn	7.239
Sầu riêng	Ra lộc	4.167
Tiêu	Nuôi trái	19.022
Điều	Ra lộc	37.802
Cao su	Khai thác	51.272
Cà phê	Nuôi trái	15.278
Khoai mì	Phát triển củ	10.826

## **II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA**

**1. Trên cây lúa:** Các SVH chủ yếu là bệnh đạo ôn lá DTN 754 ha tăng 31 ha, ốc brou vàng (OBV) DTN 532 ha tăng 10 ha, bệnh bạc lá DTN 221 ha tăng 14 ha, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá DTN 30 ha trên địa bàn huyện Long Thành, giảm 10 ha so với kỳ trước.

### **2. Cây trồng khác**

- Cây bắp, rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.

- Cây ăn quả:

+ Cây có múi: Sâu vẽ bùa DTN 241 tăng 2 ha, nhện nhỏ 177 ha tăng 19 ha.

+ Sầu riêng: Bệnh xì mù DTN 440 ha tăng 9 ha, bệnh nấm hồng DTN 223 ha tăng 3 ha, bệnh cháy lá chết đọt DTN 342 tăng 21 ha.

+ Xoài: Bệnh thán thư DTN 470 ha tăng 130 ha, sâu đục thân DTN 100 ha.

- Cây công nghiệp:

+ Cây hồ tiêu: Bệnh thán thư DTN 964 ha giảm 49 ha, bệnh chết chậm DTN 966 ha tăng 15 ha.

+ Cây điều: Sâu đục thân, cành DTN 500 ha tăng 39 ha, bệnh thán thư DTN 343 ha tăng 32 ha, bệnh nấm hồng DTN 121 ha tăng 3 ha.

+ Cây mì:

Bọ phấn DTN 419 ha giảm 222 ha; bệnh khảm lá virus DTN 319,8 ha tăng 0,2 ha; bệnh vi khuẩn DTN 352 ha tăng 6 ha; đốm nâu 200 ha không thay đổi.

## **III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI**

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Ốc brou vàng, Rầy nâu, VL – LXL, bệnh bạc lá (cháy bìa), đạo ôn, chuột.

- Cây rau: Sâu tơ, bệnh đốm vàng, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.

- Cây ăn quả: Bệnh xì mù, bệnh nấm hồng (sầu riêng); bệnh cháy gôm, sâu vẽ bùa (cây có múi); bệnh thán thư, sâu đục thân, cành (xoài).

- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bệnh nấm hồng, bệnh thán thư (điều); bệnh xì mù, nấm hồng (cao su); bọ phấn, bệnh khảm lá, thán thư, đốm nâu (mì).

## **IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Tăng cường theo dõi diễn biến rầy nâu và kiểm tra tỉ lệ

rầy mang mầm bệnh trên các trà lúa nhằm hạn chế rầy nâu di trú truyền virus gây bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá.

- Cây mè: Tăng cường điều tra, phát hiện diện tích nhiễm bệnh khảm lá. Tiến hành phun thuốc trừ bọ phấn trắng trên cây mè và khoanh vùng diện tích bị nhiễm tiêu hủy tránh lây lan sang diện rộng. Thực hiện tốt công văn số 3646/SNN-TTBVTV, ngày 01/10/2018 về việc triển khai chỉ đạo của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tuyên truyền, tập huấn cho nông dân cách nhận biết và các biện pháp phòng chống bệnh theo quy trình của Cục BVTV nhằm hạn chế gia tăng diện tích, tỷ lệ sâu bệnh hại trên cây trồng,

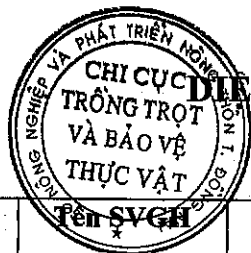
Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo.

**Nơi nhận:**

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.

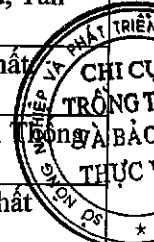


**Trần Thị Tú Oanh**



**DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH**  
(Từ ngày 25/10 đến ngày 31/10/2018)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Ra lộc	3 - 10		240	1	0	241	0	2.0	76.0	63	Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Nhện nhỏ	Ra lộc	5 - 10		177	0	0	177	0	19.0	118.0	110	Định Quán, Vĩnh Cửu, Tân Phú
	Bệnh sọc	Ra lộc	5 - 8		46	1	0	47	0	17.0	-13.0	15	Định Quán, Thống Nhất, Trảng Bom
Chôm chôm	Bệnh cháy mép lá	Các giai đoạn	5 - 15		108	2	0	110	0	12.0	46.0	7	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Thống Nhất
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10		92	2	0	94	0	6.0	-91.0	17	Trảng Bom, Thống Nhất
	Rệp muội	Các giai đoạn	8		10	0	0	10	0	-2.0	10.0	7	Thống Nhất
Mít	Bệnh thối quả	Nuôi trái	5		25	0	0	25	0	5.0	25.0	0	TX Long Khánh
	Ruồi đục quả	Nuôi trái	2 - 3		20	0	0	20	0	0.0	5.0	0	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chổi rồng nhãn	Các giai đoạn	7		40	0	0	40	0	0.0	5.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gân	Các giai đoạn	4 - 10		440	0	0	440	0	9.0	115.0	140	Cẩm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Các giai đoạn	5 - 10		342	0	0	342	0	21.0	138.0	96	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Thống Nhất, Long Thành
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	10 - 15		223	0	0	223	0	3.0	120.0	77	Cẩm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh
	Rầy bông	Ra lộc	10		125	0	0	125	0	0.0	-34.0	126	Tân Phú, TX Long Khánh, Long Thành
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	2 - 10	15	82	4	4	90	0	-2.0	-61.0	30	Trảng Bom, Xuân Lộc
	Ôc sên	Các giai đoạn	2 - 3		90	0	0	90	0	0.0	90.0	30	Xuân Lộc
Xoài	Bệnh thán thư	Ra bông-trái	6 - 7		470	0	0	470	0	130.0	-23.0	150	Định Quán, Xuân Lộc, Vĩnh



													Cừu
	Sâu đục thân	Ra bông	10		100	0	0	100	0	0.0	100.0	20	Xuân Lộc
Ca cao	Bọ xít muỗi	Ra đọt non	7 - 10		23	1	0	24	0	17.0	-6.0	15	Thống Nhất, Trảng Bom
	Bệnh muội đen	Nuôi trái	8		14	0	0	14	0	-1.0	14.0	12	Thống Nhất
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	10 - 20		719	6	0	725	0	22.0	-76.0	39	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Tân Phú, Thống Nhất
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		447	2	0	449	0	3.0	184.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh khô cành	Nuôi trái	5 - 13		402	3	0	405	0	3.0	75.0	0	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Định Quán, Trảng Bom, TX Long Khánh
	Rệp sáp	Nuôi trái	10 - 15		267	1	0	268	0	16.0	-9.0	40	Xuân Lộc, Cầm Mỹ, Tân Phú, Trảng Bom, TX Long Khánh, Định Quán
	Bệnh nám hồng	Nuôi trái	15		142	0	0	142	0	1.0	45.0	29	Cầm Mỹ, Định Quán, Tân Phú
Cao su	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	13		470	0	0	470	0	5.0	206.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	5 - 20		167	1	0	168	0	2.0	-149.0	0	Cầm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom
Điều	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	4 - 8		497	3	0	500	0	39.0	127.0	16	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh thán thư	Ra lộc	5 - 10		338	5	0	343	0	32.0	-14.0	29	Xuân Lộc, Trảng Bom, Long Thành
	Bệnh nám hồng	Ra lộc	16		121	0	0	121	0	3.0	-168.0	0	Cầm Mỹ
Hồ tiêu	Bệnh chết chậm	Ra hoa-Nuôi trái	3 - 8	15	843	22	101	966	0	15.0	214.0	410	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất, Định Quán
	Bệnh thán thư	Nuôi trái	5 - 15		962	2	0	964	0	-49.0	192.0	152	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, Thống Nhất, Định Quán
	Rệp sáp	Nuôi trái	5 - 13	15	895	2	9	906	0	-10.0	366.0	319	Xuân Lộc, Cầm Mỹ, Trảng Bom, Định Quán, TX Long Khánh, Tân Phú

	Bệnh tuyến trùng	Nuôi trái	5 - 8	20	247	31	4	282	0	-43.0	-197.0	110	Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh chết nhanh	Nuôi trái	2 - 5	7 - 15	147	4	4	155	0	15.0	-255.0	60	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Tân Phú, Thống Nhất, Xuân Lộc, TX Long Khánh
Mía	Sâu đục thân	Giai đoạn vron lóng	3	5	40	0	0	40	0	12.0	-12.0	15	Nhon Trạch, Trảng Bom
	Bệnh rỉ sắt	Giai đoạn vron lóng	15		31	2	0	33	0	0.0	-8.0	0	Trảng Bom
Sắn (Mi)	Bọ phần	Nuôi củ	5		419	0	0	419	0	-222.0	419.0	0	Long Thành, Xuân Lộc
	Bệnh vi khuẩn	Nuôi củ	5 - 10		352	0	0	352	0	6.0	-35.0	100	Xuân Lộc, Long Thành, Trảng Bom
	Khảm lá virus	Nuôi củ	3 - 50	20 - 100	43,5	101	175,3	319,8	0	0.2	319.8	0,7	Vĩnh Cửu, Định Quán, Xuân Lộc, Trảng Bom, Long Thành
	Đốm nâu	Nuôi củ	10		200	0	0	200	0	0.0	-11.0	0	Long Thành
Ngô (Bắp)	Rệp ngô	Loa kèn-trở cờ	15		37	2	0	39	0	8.0	-7.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Sâu đục thân, bắp	Loa kèn-trở cờ	3 - 5		27	0	0	27	0	27.0	-38.0	13	Cầm Mỹ, Thống Nhất
	Đốm lá nhỏ	Loa kèn-trở cờ	15		23	0	0	23	0	-35.0	-46.0	0	Cầm Mỹ
	Bệnh rỉ sắt	Loa kèn-trở cờ	15		12	0	0	12	0	4.0	3.0	0	Trảng Bom
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	Đẻ nhánh-làm đòng	5 - 15		748	6	0	754	0	31.0	-87.0	250	Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Nhon Trạch, Long Thành, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất, Cầm Mỹ, Vĩnh Cửu
	Ốc bươu vàng	Đẻ nhánh-làm đòng	1 - 5	15 - 20	498	4	30	532	0	10.0	104.0	150	Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Đẻ nhánh-làm đòng	5 - 10		221	0	0	221	0	14.0	-427.0	101	Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Long Thành
	Chuột	Đẻ nhánh-làm đòng	2 - 5		147	0	0	147	0	4.0	-45.0	95	Định Quán, Nhon Trạch, Long Thành, Thống Nhất, Tân Phú, Trảng Bom
	Sâu cuốn lá nhỏ	Đẻ nhánh-làm đòng	1 - 20		39	0	0	39	0	28.0	-1.0	31	Nhon Trạch, Cầm Mỹ, Tân Phú

	Bệnh khô vằn	Đẻ nhánh-làm đòng	10		31	2	0	33	0	8.0	-177.0	0	Trảng Bom, Cẩm Mỹ
	Bệnh VL,LXL	Đẻ nhánh-làm đòng	3	10	25	0	5	30	0	-10.0	30.0	30	Lông Thành
	Ngộ độc phen	Đẻ nhánh-làm đòng	10		20	0	0	20	0	0.0	20.0	20	Tân Phú
	Rầy nâu	Đẻ nhánh-làm đòng	10		19	0	0	19	0	-7.0	-12.0	0	Trảng Bom
Bầu bí	Bọ trĩ	Các giai đoạn	15		5	0	0	5	0	-10.0	-2.0	5	Nhon Trạch
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	10	15	3	0	0	3	0	-12.0	-4.0	3	Nhon Trạch
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh gỉa sương mai	Các giai đoạn	5 - 10	20	13	1	0	14	0	1.0	14.0	2	Trảng Bom, Nhon Trạch
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	6	4,5	0,5	0	5	0	1.0	-6.0	2	Trảng Bom, Nhon Trạch
Mướp đắng (khô qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		15	2	0	17	0	1.0	2.0	0	Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	15	6,5	0,5	0	7	0	-3.0	-7.0	3	Trảng Bom, Nhon Trạch
Rau cải ăn lá	Bọ nháy	Các giai đoạn	3 - 10	5	19,5	0,5	0	20	0	-6.0	-6.0	11	Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, Nhon Trạch
	Sâu xanh bướm trắng	Các giai đoạn	5		8	0	0	8	0	5.0	3.0	13	Vĩnh Cửu, Nhon Trạch
Rau muống	Sâu khoang	Các giai đoạn	5		2	0,5	0	2,5	0	-0.5	-1.5	0	Trảng Bom
	Sâu xanh	Các giai đoạn	5		2	0	0	2	0	-1.0	0.0	0	Trảng Bom